

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: MẸ VÀ GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ

Thời gian thực hiện: 4 Tuần (Từ ngày 02/12/2024 - 27/12/2024)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1	- Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao; đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra, Gà gáy sáng - Tay: Đưa 2 tay ra phía trước hạ xuống, 2 tay giơ lên cao hạ xuống, 2 tay đưa sang ngang hạ xuống. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, quay người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. - Các bài tập phát triển chung trong TDS, hoạt động chơi – tập có chủ định - Giáo dục trẻ học tập và làm theo Bác: Thường xuyên luyện tập thể dục để tăng cường sức khỏe	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động: Chạy theo hướng thẳng; Bật xa bằng 2 chân	- Chạy theo hướng thẳng - Bật xa bằng 2 chân	* HĐ chơi - tập có chủ định - Vận động: + Chạy theo hướng thẳng + Bật xa bằng 2 chân * Hoạt động chơi: - TC: Tập tầm vông - TC: Gieo hạt	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp tay-mắt: Ném bóng vào đích	- Ném bóng vào đích	* HĐ chơi- tập có chủ định: - Vận động: Ném bóng vào đích * Hoạt động chơi: - TC: Trời nắng trời mưa	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi: Trườn chui qua cổng	-Trườn chui qua cổng	* HĐ chơi - tập có chủ định - Vận động: Trườn chui qua cổng * Hoạt động chơi: - TC: Con thỏ	
6	- Trẻ biết vận động	- Xoa tay, chạm các	* Hoạt động chơi:	

	cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò xé	- Chơi tự do ngoài trời - Hoạt động góc (nấu ăn, ru em ngủ...) - Chơi tập buổi chiều: Chơi lá cây....	
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: Vẽ, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...	- Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô vẽ - Đóng cọc bàn gỗ - Chồng xếp 6-8 khối	* HĐ chơi tập có chủ định: - HĐVĐV: + Xâu vòng màu xanh, đỏ + Xếp cái cống + Xếp ngôi nhà *Hoạt động chơi: - HDG: Góc hoạt động với đồ vật “Xâu vòng, xếp hình theo ý thích của trẻ...”; Góc vận động “ Đóng cọc bàn gỗ, nhón nhặt đồ vật, chơi với bóng, vòng...” - Chơi tự do ở các góc trong giờ đón , trả trẻ - TCM: Đoán vật, chìm và nổi, tắm cho em, ném bóng vào chậu	
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau (Thịt băm, cơm hạt, trứng...)	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi quy định.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Giờ vệ sinh: Giáo dục trẻ rửa tay (sau khi chơi, trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh) + Thực hành vứt rác đúng nơi quy định. + Thực hành rửa tay bằng xà phòng - Giờ ăn: Trò chuyện về các loại thức ăn, biết ăn chín uống chín, ăn nhiều loại thức ăn, trong quá trình ăn nhắc trẻ không làm cơm rơi vãi, trước khi ăn mời cô, mời bạn	
9	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: -Trong giờ ngủ: Cho trẻ ngủ đúng giờ, ngủ một giấc. Trong quá trình trẻ ngủ có thể mở nhạc nhẹ, nhạc hát ru cho trẻ nghe. - Giờ ngủ: Nhắc trẻ không được nô đùa, nói chuyện.	
10	- Trẻ biết đi vệ	Tập đi vệ sinh đúng	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh:	

	sinh đúng nơi quy định, theo sự hướng dẫn của cô.	nơi quy định	- Vệ sinh: Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định. Đi trước, sau giờ ăn và trước khi trả trẻ	
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của lớn (lấy nước uống, xúc cơm, đi vệ sinh...)	- Tập tự phục vụ + Xúc cơm, uống nước + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt + Chuẩn bị chỗ ngủ + Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Trong giờ ăn. + Tổ chức giờ ăn cho trẻ. + Quan sát và đàm thoại với trẻ về cách sử dụng một số đồ dùng đúng cách. + Thực hành: Sử dụng cốc uống nước, sử dụng bát, thìa trong khi ăn. - Giờ ngủ: Chuẩn bị chỗ ngủ cùng cô như lấy gối, lấy chăn, giải thảm xóp cùng cô... ngủ dậy thì cất đồ cùng cô. - Trong các hoạt động: Nói với cô giáo khi có nhu cầu đi vệ sinh...	
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ, mặc quần áo ấm khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới sự giúp đỡ của cô...) - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video dạy kỹ năng đi giày, dép và giáo dục trẻ: Không được vứt dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định.	
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời: Không dẫm lên hạt gạo, nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang... *Hoạt động giao lưu cảm xúc: không cầm chơi các vật sắc nhọn, không leo	

			chèo nắp bể, giếng... - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video về một số tai nạn thường gặp, trò chuyện cùng trẻ. Cho trẻ xem video không được nghịch các vật sắc nhọn. - Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được nô đùa tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng...	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, cầu thang chơi, nghịch các vật sắc nhọn, chọc tay vào ổ điện ...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh, khi được nhắc nhở.	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời: Không dẫm lên hạt, nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang, giếng nước... - Không leo trèo nắp bể, giếng... - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video về một số nơi trẻ không phép lại gần, trò chuyện cùng trẻ - Dạo chơi ngoài trời: Nhắc trẻ không được đến gần bếp đang đun, bể nước, giếng... * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Giờ ăn: Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được khóc, không được nô đùa tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng...	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
15	- Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe để nhận biết một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng trong gia đình	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu theo gợi ý của cô. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật quen thuộc - Sờ, nắn, nhìn... đồ	* Hoạt động chơi - DCNT: Yêu cầu trẻ tìm vật cô vừa cất giấu - HĐG (góc hể득v: chơi với các khối nhựa, hạt hạt) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)	

		vật, để nhận biết một số đặc điểm nổi bật.	- TCM: Đoán vật	
17	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HDNB: + Trò chuyện về mẹ của bé + Nhận biết về người thân trong gia đình bé. * HĐ chơi: - Trong giờ đón trả trẻ: Trò chuyện về tên cô giáo và các bạn trong lớp	
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng quen thuộc quen thuộc.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định - HDNB + Nhận biết một số đồ dùng để uống (Cái cốc, cái ca)	
20	- Trẻ biết chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh - Số lượng (một-nhiều)	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HDVĐV: + Xâu vòng màu xanh, đỏ - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc) - DCNT (Chơi theo ý thích cho trẻ nhặt đồ vật có màu xanh, đỏ, vàng khác nhau) - HDG (Góc HDVĐV nhặt đồ vật vào rổ theo yêu cầu của cô) - Chơi tự do trong giờ đón trẻ, trả trẻ, chơi buổi chiều	
21	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước (to/nhỏ) theo yêu cầu	- Hình tròn, hình vuông	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HDVĐV: + Xếp cái cổng + Xếp ngôi nhà * Hoạt động chơi - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc) - DCNT (Chơi theo ý thích cho trẻ nhặt đồ vật có hình tròn, hình vuông khác nhau) - HDG (Góc HDVĐV nhặt	

			đồ vật vào rổ theo yêu cầu của cô) - Chơi tự do trong giờ đón trẻ, trả trẻ, chơi buổi chiều	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 1-2 hành động. Ví dụ: “Cháu cất balo rồi đi vào lớp....”	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động giao lưu cảm xúc - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ thực hành cất, lấy balo của trẻ * Hoạt động chơi - DCNT (Chơi tự do theo ý thích cất đồ chơi sau khi chơi xong) - HDG (Chơi ở các góc chơi: Góc HĐVĐV cất khối nhựa, hột hạt, nút nhựa...) - Chơi - tập buổi chiều (Cất đồ chơi sau khi chơi xong)	
23	Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” (Ví dụ: “Ai đây? Mẹ đang làm gì? Cái bát này để làm gì?...”)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?” - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi – tập có chủ định - HDNB + Nhận biết đồ dùng để uống + Nhận biết đồ dùng để ăn + Trò chuyện về mẹ của bé - Cho trẻ quan sát, nhận biết tranh ảnh, vật thật qua các bài thơ, câu chuyện * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời (Cho trẻ quan sát, nhận biết cây cối và các đồ chơi ở các nhóm chơi tự do) - Chơi ở các góc chơi theo ý thích (Cho gọi hỏi trẻ nhận biết đồ dùng, đồ chơi ở các góc chơi) * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh	

			- Giờ ngủ: Cô tập cho trẻ xếp, cất gối, thả gối và cho trẻ nhận biết, tập nói các đồ dùng đó. - Nghe các câu hỏi: Cái bát để làm gì? Còn đây là cái gì?...	
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong truyện	- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách	* HĐ Chơi – tập có chủ định: - Vịt con lông vàng (Trẻ nói được một số từ: Vịt mẹ, vịt con) * Hoạt động chơi - Trong giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ chơi ở các khu vực chơi, cô gợi hỏi trẻ nhận biết đồ dùng, đồ chơi ở các góc chơi. - Xem tranh ảnh video và gọi tên các nhân vật - Trẻ đọc cùng cô các bài ca dao, đồng dao: Lộn cầu vòng, Tập tầm vòng, Nu na nu nống	
25	- Trẻ phát âm rõ được một số tiếng	- Phát âm các âm khác nhau	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: Thơ	
26	- Trẻ đọc được một số bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc một số đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng	- Nụ cười của bé (Trẻ nói được một số từ: Mắt mẹ, mắt cha, mắt bà, bông hoa) - Cháu yêu bà (Trẻ nói được một số từ: - Yêu mẹ (Trẻ nói được một số từ: Sáng sớm, kê má) * Hoạt động chơi - Cô cho trẻ đọc theo cô các bài thơ, ca dao, đồng dao trong các giờ chơi chiều.	
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 3 - 5 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng một số từ chỉ đồ vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	* Hoạt động chơi – tập có chủ định - Cho trẻ quan sát, nhận biết tranh ảnh, vật thật qua các bài thơ, câu chuyện * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời	

			(Cho trẻ quan sát, nhận biết cây cối và các đồ chơi ở các nhóm chơi tự do) - Chơi ở các góc chơi theo ý thích (Cô gọi hỏi trẻ nhận biết đồ dùng, đồ chơi ở các góc chơi)	
28	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. + Chào hỏi, trò chuyện (chào cô giáo, chào bố mẹ, chào, chào các bạn...) + Bày tỏ nhu cầu của bản thân như con uống nước, con muốn đi vệ sinh... + Hỏi các vấn đề quan tâm như: Cái gì đây?...	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài như con uống nước, con muốn đi vệ sinh... - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì”, “Làm gì”...	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định - Thể hiện được sự lễ phép (Con xin đọc thơ, hát)..) * Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Nói với cô giáo (Con xin cô bát cơm, con xin cô bát canh...) - Trong giờ vệ sinh - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “ Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “ Chào các bạn”, “ Con xin cô, con ạ cô”, “ Con muốn đi vệ sinh”...	
29	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	* Hoạt động chơi tập có chủ định: + Truyện: Vịt con lông vàng + Thơ: Nụ cười của bé + Thơ: Cháu yêu bà + Thơ: Yêu mẹ - Hoạt động giao lưu cảm xúc: Chơi tự do ở các góc trong giờ đón, trả trẻ	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
32	- Trẻ có thể biểu lộ thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với người xung quanh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ	

			* Hoạt động chơi – tập có chủ định - Trẻ thể hiện thích đọc thơ, hát theo cô * Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Trong giờ ngủ - Trong giờ ăn + Thể hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.	
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ: Cô cho trẻ chào cô, chào bố mẹ... * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Trong giờ ăn - Dạy trẻ nói “xin”, “cảm ơn”... - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.	
37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, ru em...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi: Bế búp bê, ru em ngủ, cho em ăn, thay áo cho em....	* Hoạt động chơi: - HDG: + Góc thao tác vai (Bế em, cho em ăn, thay quần áo cho em, nấu ăn, bác sĩ khám bệnh...) + Chơi tự do trong giờ đón, trả trẻ - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Bế búp bê, ru em ngủ.	
38	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc - Chơi trong giờ đón trả trẻ. * Hoạt động chơi: - Chơi tự do các góc. - Chơi ngoài trời. - Chơi trò chơi mới.	

39	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn: Ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép...	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo như: Ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép... - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/ lớp như: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định	* HĐ chơi - tập có chủ định - Thực hành xếp hàng tập bài tập vận động * Hoạt động chơi (cát đồ chơi “HĐG, DCNT, chơi theo ý thích trong giờ đón, trả trẻ”) * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh (Xếp hàng rửa tay. Ví dụ: Thực hành xếp thẳng hàng rửa tay...) - Giờ ngủ: Cô tập cho trẻ xếp, cất gối, thăm xộp và cho trẻ nhận biết, tập nói các đồ dùng đó.	
40	- Trẻ biết hát bài và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc trong chủ đề	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; Nghe âm thanh của các nhạc cụ - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xếp hình, xé, vò	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: + Cháu yêu bà + Cả nhà thương nhau - VĐ: Cháu yêu bà, chim mẹ chim con - NH: Mẹ yêu không nào, Chiếc khăn tay - HĐVĐV: + Di màu chân dung mẹ + Xếp cái cổng + Xếp ngôi nhà *Hoạt động chơi: - TC: Ai đoán đúng, - DCNT (Chơi tự do: Chơi với phấn) - Góc: HĐVĐV (Xếp hình)	
41	- Trẻ thích tô màu, vẽ, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệnh ngoạc)			

Tổng số mục tiêu: 33

NGƯỜI LẬP

Lường Thị Mai

BGH PHÊ DUYỆT

Hoàng Thị Lệ Hằng

